

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 4 - 2024.

*“Về việc: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Hồng Hà và bà Vũ Thị Thủy.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Phương T, sinh năm 2002.

HKTT: thôn T N T, xã C V, huyện C G, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở: thôn T K, xã T C, huyện L T, tỉnh Bắc Ninh.

**Bị đơn:** Anh Đoàn Văn H, sinh năm 2000.

HKTT: thôn T N T, xã C V, huyện C G, tỉnh Hải Dương.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Đoàn Văn Q, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1969.

Địa chỉ đều ở: thôn T N T, xã C V, huyện C G, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Phương T trình bày:**

Chị và anh Đoàn Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C V, huyện C G vào ngày 18/3/2022 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau ngày cưới, vợ chồng sống cùng gia đình anh H tại thôn T N T, xã C V, huyện C G và chung sống vui vẻ hòa thuận được khoảng vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách cũng như cách làm ăn kinh tế gia đình, anh H mãi chơi, không tu chí làm ăn, kinh tế gia đình không phát triển, nhiều lần chị tham gia khuyên bảo anh H không nghe, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, chị không thể chấp nhận được cuộc sống chung với anh H nên đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở từ tháng 12/2022 tại thôn T K, xã T C, huyện L T, tỉnh Bắc Ninh cho đến nay, con chung của vợ chồng vẫn do anh H và gia đình nuôi dưỡng. Tháng 6 năm 2023, chị và anh H đã gặp nhau để nói chuyện, bàn bạc về cuộc sống vợ chồng nhưng không thống nhất được với nhau, chị không muốn quay lại chung sống với anh H nữa và không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn, níu kéo cuộc sống chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đoàn Văn H để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Đoàn Phương V, sinh ngày 06/11/2022, hiện tại đang ở với gia đình anh H do ông Q, bà G trực tiếp nuôi dưỡng. Quan điểm của chị hoàn toàn nhất trí giao con chung cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn vì giữa chị và anh H đã thống nhất thỏa thuận với nhau do hiện tại chị chưa có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con vì chị đã về quê để sinh sống và đi làm công nhân, không có thời gian ở nhà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, gia đình chị cũng không có ai hỗ trợ giúp chị chăm sóc con chung; anh H xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị hoàn toàn nhất trí. Nay anh H đã xuất cảnh đi lao động ở nước ngoài nhưng đã nhờ bố mẹ đẻ là ông Đoàn Văn Q, bà Nguyễn Thị G ở nhà chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh H đi lao động ở nước ngoài cho đến khi anh H về nước trực tiếp nuôi con, chị cũng đồng ý vì hiện tại con chung của chị vẫn được gia đình anh H chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo về mọi mặt và vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho chị đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản, vay nợ và công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án theo yêu cầu chị T về việc xin ly hôn và giải quyết việc nuôi dưỡng con chung nhưng không trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh H đã xuất cảnh đi lao động ở nước ngoài từ ngày 10/01/2024 cho đến nay không có mặt tại địa phương và không cung cấp địa chỉ cụ thể.

***Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn Q và bà Nguyễn Thị G trình bày:***

Ông bà là bố mẹ đẻ anh Đoàn Văn H, xác định anh H đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên do anh H đã xuất

cảnh đi lao động tại Campuchia vào ngày 10/01/2024.

Ông bà xác định anh Đoàn Văn H và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C V, huyện C G và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2022. Sau ngày cưới, vợ chồng anh H chung sống hòa thuận một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, chị T cho rằng anh H không tu chí làm ăn, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, ông bà đã khuyên bảo vợ chồng nhiều lần nhưng cả hai đều không chấp nhận tính nết của nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2022, sau đó anh H có đến tìm chị T về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng chị T không chấp nhận quay lại.

Mặc dù anh H đã xuất cảnh đi lao động ở nước ngoài, nhưng ông bà vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại và thông báo cho anh H biết để trình bày quan điểm gửi về cho Tòa án giải quyết, anh H không trình bày ý kiến bằng văn bản và không cho biết địa chỉ. Tuy nhiên qua gọi điện thoại anh H cho biết mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân hơn 01 năm nay, không muốn quay về chung sống với chị T nên nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về con chung: anh H có quan điểm xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T đóng góp tiền nuôi con, cam kết có đủ điều kiện để nuôi con đến khi trưởng thành; Anh H có nhờ ông bà trông nom, chăm sóc Đoàn Phương V trong thời gian anh H lao động ở nước ngoài cho đến khi anh H về nước trực tiếp nuôi con, ông bà hoàn toàn nhất trí và tự nguyện không yêu cầu anh H thanh toán chi phí tiền công chăm sóc cháu V. Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại công văn số 2375/QLXNC-P3 ngày 30/01/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định anh Đoàn Văn H, sinh ngày 11/10/2000, địa chỉ: xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, CCCD số 030200005238, xuất cảnh ngày 10/01/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Phương T được ly hôn anh Đoàn Văn H; Về con chung: Giao cháu Đoàn Phương V, sinh ngày 06/11/2022 cho anh Đoàn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi thành niên; chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu V cho ông Đoàn Văn Q và bà Nguyễn Thị G trong thời gian anh H không có

mặt tại Việt Nam. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đoàn Văn H là bị đơn có địa chỉ tại thôn T N T, xã C V, huyện C G, đã xuất cảnh đi lao động ở nước ngoài lần đầu vào ngày 10/01/2024, sau ngày Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý vụ án (02/01/2024). Do vậy Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và không chuyển vụ án theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 7 Nghị quyết 03/2012/HĐTP-TANDTC ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Phương T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Văn Q, bà Nguyễn Thị G vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn là anh Đoàn Văn H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phương T và anh Đoàn Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C V, huyện C G vào ngày 18/3/2022 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách cũng như cách làm ăn kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 12/2022 cho đến nay, cả hai đều không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và cũng không tìm biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo cuộc sống chung. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đoàn Văn H để ổn định cuộc sống riêng. Xác minh qua gia đình, anh H cũng có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đoàn Phương V, sinh ngày 06/11/2022.

Anh H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con, cam kết có đủ điều kiện để nuôi con đến khi trưởng thành và nhờ ông Q, bà G trông nom, chăm sóc cháu V cho đến khi anh về nước trực tiếp nuôi dưỡng con chung; chị T có quan điểm đồng ý để anh H được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy cháu Đoàn Phương V hiện đang ở với gia đình anh H do ông Q, bà G trực tiếp nuôi dưỡng vẫn đảm bảo về mọi mặt, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và đi làm công nhân, không có thời gian ở nhà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, gia đình chị cũng không có ai hỗ trợ để giúp chị chăm sóc con chung nên chấp nhận nguyện vọng của các bên, giao con chung Đoàn Phương V cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành và chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị T đóng góp tiền nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Q, bà G đồng ý nhận trông nom, chăm sóc cháu V thay cho anh H và tự nguyện không yêu cầu anh H thanh toán chi phí trông nom, chăm sóc nên tạm giao cháu V cho ông Q, bà G trông nom, chăm sóc cho đến khi anh H về nước trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản: Chị T và anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Phương T là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương T.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Phương T được ly hôn anh Đoàn Văn H.

2- Về quan hệ con chung: Giao cho anh Đoàn Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đoàn Phương V, sinh ngày 06/11/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tạm giao cháu Đoàn Phương V cho ông Đoàn Văn Q và bà Nguyễn Thị

G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh H về nước trực tiếp nuôi con.

3- Về án phí: Chị Nguyễn Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0000048 ngày 02/01/2024 (chị T đã nộp đủ án phí).

4- Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị T và anh Đoàn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; ông Đoàn Văn Q và bà Nguyễn Thị G vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã C V, huyện Cẩm Giàng;  
(để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bùi Ngọc Khuyến**